

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2024

V/v: Ly hôn, con chung giữa
chị T1 và anh T2.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐHPT- ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm B, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm B, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị T1 trình bày:

Chị Trần Thị T1 và anh Vũ Văn T2 đăng ký kết hôn ngày 08/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn hai người chung sống hòa thuận hạnh

phúc tại xã Hải Lý được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung nặng nề. Xác định thực trạng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T1 đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh T2.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/5/1999; cháu Vũ Thảo Như, sinh ngày 06/6/2002; cháu Vũ Nhật Minh, sinh ngày 07/9/2011. Hiện nay, cháu Quỳnh và cháu Như đã thành niên, lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nhật Minh hiện đang sống cùng chị T1 và anh T2. Nay giải quyết ly hôn, chị T1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật Minh, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, anh Vũ Văn T2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T2 xác nhận lời khai của chị T1 về thời gian hai người kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Anh T2 công nhận vợ chồng chung sống cũng có mâu thuẫn nhỏ, cãi chửi nhau nguyên nhân là do bất đồng làm ăn kinh tế, bất đồng ý kiến, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ và không tin tưởng nhau. Tuy nhiên, nay chị T1 làm đơn ly hôn anh T2 cho rằng vợ chồng cần cho nhau thời gian suy nghĩ thêm vì con cũng cần có tình cảm của cả bố và mẹ nên anh T2 không nhất trí ly hôn. Nếu chị T1 quyết tâm ly hôn thì anh T2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung như chị T1 trình bày là đúng. Hiện nay, cháu Quỳnh và cháu Như đã thành niên, lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì chưa nhất trí ly hôn nên anh T2 không có ý kiến gì về việc giao con là cháu Nhật Minh cho ai nuôi dưỡng trực tiếp, cũng không đề nghị giải quyết về yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T1 và anh Vũ Văn T2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nhật Minh, sinh ngày 07/9/2011 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T1. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Vũ Văn T2 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T1 và anh Vũ Văn T2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 08/12/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, không thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích trong cuộc sống. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Anh T2 xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng không nhất trí ly hôn. Nếu chị T1 quyết tâm thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T1 đối với anh T2, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài nhưng cả hai không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị Trần Thị T1 được ly hôn anh Vũ Văn T2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 03 con chung là cháu Vũ Xuân Quỳnh, sinh ngày 21/5/1999; cháu Vũ Thảo Như, sinh ngày 06/6/2002; cháu Vũ Nhật Minh, sinh ngày 07/9/2011. Hiện nay, cháu Quỳnh và cháu Như đã thành niên, lao động tự lập được nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay giải quyết ly hôn, chị T1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật Minh. Anh T2 không có ý kiến gì.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay; yêu cầu, đề nghị của các đương sự và nguyện vọng của con chung thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của đương sự là hoàn toàn chính đáng, hai bên đều là lao động tự do và là người khỏe mạnh, có khả năng lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Nay giải quyết ly hôn, chị T1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật Minh. Anh T2 không có ý kiến gì. Hiện nay, cháu Nhật Minh đang sống cùng chị T1, anh T2; cháu Nhật Minh là con gái đang ở độ tuổi tâm sinh lý phát triển, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, đồng thời, cháu Nhật Minh cũng có nguyện vọng xin được sống cùng chị T1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển bình thường của con, cần giao cháu Vũ Nhật Minh cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1, anh T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T1 là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T1 và anh Vũ Văn T2.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cháu Vũ Nhật Minh, sinh ngày 07/9/2011 cho chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện nay cháu Nhật Minh đang sống cùng chị T1 và anh T2).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) tại biên lai số 0002969 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trần Thị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Lý;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng